BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012387 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10790.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW PLUS**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-32

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 02 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (b)	< 1 CFU/ml	16/06/2022
2	*Listeria monocytogenes*	ISO 11290-2:2017 (b)	< 1 CFU/ml	16/06/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012388/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10791.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW PLUS**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-32

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 02 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2022
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2022
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2022
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012389 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10792.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW PLUS**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-32

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 02 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,02 µg/kg	18/06/2022
2	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	21/06/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012390 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10793.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW PLUS**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-32

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 02 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	16/06/2022
3	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	18/06/2022
4	Colistin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	16/06/2022
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	21/06/2022
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	20/06/2022
7	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 25 µg/kg	16/06/2022
8	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
9	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
10	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
11	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022

Mã số mẫu: 10793.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
13	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	20/06/2022
14	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
15	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2022
16	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2022
17	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2022
18	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
19	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
20	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
21	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
22	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
23	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
24	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	16/06/2022
25	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	16/06/2022
26	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
27	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
28	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
29	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022

Mã số mẫu: 10793.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
31	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	16/06/2022
32	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
33	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
34	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	16/06/2022
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/06/2022
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	21/06/2022
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	21/06/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012391 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10794.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW PLUS**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-32

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 02 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
2	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	21/06/2022
3	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/06/2022
4	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
5	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/06/2022
6	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	21/06/2022
7	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	21/06/2022
8	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	20/06/2022
9	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	17/06/2022
10	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	19/06/2022
11	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022

Mã số mẫu: 10794.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
13	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
14	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
15	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/06/2022
16	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	20/06/2022
17	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	21/06/2022
18	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	21/06/2022
19	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	21/06/2022
20	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/06/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh